

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của
Trường THPT Hiệp Hòa số 4**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 4

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định giao dự toán số 24/QĐ-SGDĐT ngày 12/01/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024.

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Hiệp Hòa số 1 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng, các tổ chuyên môn có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Tổ VP và các tổ CM
- Lưu :VT.



Dương Mạnh Trí

Đơn vị: Trường THPT Hiệp Hòa số 4

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-THPTHH4 ngày 19/01/2024 của Hiệu trưởng Trường THPT Hiệp Hòa số 4)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	714.000.000
1	Thu học phí	714.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	714.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	714.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	714.000.000
	40% chi cải cách tiền lương	285.600.000
	30% chi mua sắm, sửa chữa tăng cường CSVC	214.200.000
	30% chi chuyên môn, chi khác	214.200.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.725.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.725.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.077.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	648.000.000

Ngày 19 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đương Mạnh Trí

Số: 21/QĐ-SGDĐT

Bắc Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC GIANG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 7/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 113/STC-HCSN ngày 12/01/2023 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang về việc thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 đối với cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), các trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở GDĐT.

(Chi tiết dự toán thu chi của từng đơn vị theo biểu đính kèm).

Điều 2. Dự toán chi ngân sách nhà nước được giao năm 2024 đã tính đủ chế độ lương của người lao động, các khoản đóng góp theo quy định; phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định 54/2011/NĐ-CP; chế độ giáo viên theo Nghị định 140/NĐ-CP ngày 5/12/2017; chế độ phụ cấp công vụ theo Nghị định số 57/2011/NĐ-CP theo mức lương tối thiểu 1.800.000 đồng. Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội ĐBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP; chế độ của học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-TTg ngày 18/7/2016; chế độ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; chế độ học sinh theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017; học bổng các trường dân tộc

nội trú, trường chuyên; chế độ cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ học sinh trường THPT Chuyên theo Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND; hỗ trợ trường DTNT theo NQ 62/2021/NQ-HĐND.

Căn cứ vào nhiệm vụ và kế hoạch được giao, thủ trưởng các đơn vị tổ chức chỉ đạo thực hiện dự toán thu chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Sở GDĐT, các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT có tên trong danh sách tại Điều 1 và phòng Kế hoạch - Tài chính căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- KBNN tỉnh, các huyện (p/h);
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Tạ Việt Hùng

Chương 422



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDĐT ngày 12/01/2024 của Sở GD&ĐT Bắc Giang)

Trường THPT Hiệp Hòa số 4

Chương 422 Loại 070 khoản 074

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHI TIẾT	Dự toán năm 2024 (chưa trừ tiết kiệm)	Trừ tiết kiệm chi khác 10%	Trừ cải cách tiền lương	Giảm 2,5% chi NSNN	Dự toán năm 2024 (đã trừ tiết kiệm)
A	Thu sự nghiệp, dịch vụ	3.817	-	356	-	3.475
1	Thu học phí	714		286		428
2	Thu liên kết đào tạo khối Trung tâm GDNN-GDTX	-		-		-
3	Thu dạy thêm học thêm môn văn hoá	2.800		56		2.744
4	Thu dạy thêm, thu dịch vụ trông xe, thu khác	303		-		303
5	Cấp bù miễn giảm học phí			14		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.658	231	356	346	12.725
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.010	231	356	346	12.077
1.1	Chi lương, nâng lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp và giáo viên hưởng chế độ ND 140/2017/ND-CP	10.564		356		10.208
1.2	Chi chuyên môn, mua sắm sửa chữa, chi khác; Chi cho học sinh DTNT theo TT 109; thuê hợp đồng nấu ăn, bảo vệ	2.446	231		346	1.869
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	648	-	-	-	648
2.1	Học bổng DTNT	-				-
2.2	Học bổng THPT Chuyên	-				-
2.3	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 16/2019/NQ-HĐND	-				-
2.4	Chi tổ chức ôn luyện HSG quốc gia và quốc tế	-				-
2.5	Trợ cấp lần đầu theo ND 76	-				-
2.6	Trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng ĐBKK; Hỗ trợ thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo ND 76	-				-
2.7	Chi chế độ HS theo ND 116 trường công lập	-				-
2.8	Chế độ học sinh theo ND 57	-				-
2.9	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC	14				14
2.10	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (ND 81)	34				34
2.11	Hỗ trợ chi sửa chữa thường xuyên CSVC trường học	600				600
2.12	Diệt mối	-				-